

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2020/HS-ST**
Ngày: 14-5-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hiếu**.

2. Bà **Vũ Thị Đượm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Ông **Võ Công Văn** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

TRẦN VĂN H, sinh năm 1989, tại Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Ấp G, xã S, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M, sinh năm 1963 và bà Lâm Hồng Q, sinh năm 1965; Vợ: Lê Thị NG, sinh năm 1996; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày **26-11-2019** đến ngày **27-02-2020** được tại ngoại đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Bạch V**, sinh năm 1964. *(Vắng mặt)*

ĐKTT: Ấp H, xã B, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Lê Thị NG**, sinh năm 1996. *(Có mặt)*

ĐKTT: Ấp G, xã S, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Hồ Văn Quốc M**, sinh năm 1990. *(Vắng mặt)*

ĐKTT: Khu phố 3, thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

Chị **Nguyễn Thị Phương A**, sinh năm 1991. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: Ấp H, xã B, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền sử dụng cho cá nhân nên H đã nảy sinh ý định đi đến cửa hàng mua bán vàng trên địa bàn huyện XL, tỉnh Đồng Nai giả vờ làm khách vào hỏi mua vàng để chiếm đoạt. Vào khoảng 13 giờ ngày 20-11-2019, H sử dụng xe mô tô mang biển số 60H5-032.51 đi từ ấp G, xã SC, huyện XL ra hướng quốc lộ 1A đi xã B, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Khi đi ngang qua cửa hàng mua bán vàng “Kim C” thuộc ấp H, xã B, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, H thấy không có bảo vệ trông coi nên H đã dùng xe mô tô trước cửa hàng rồi đi vào cửa hàng giả vờ làm khách mua vàng, gặp chị Nguyễn Thị Phương A (là nhân viên cửa hàng) hỏi mua các sợi dây chuyền vàng trọng lượng khoảng 10 chỉ, chị A đã đưa cho H xem và đeo lên cổ thử lần lượt 03 sợi dây chuyền vàng, mỗi sợi có trọng lượng khoảng 10 chỉ. Sau khi xem và thử xong, H trả lại cho chị A các dây chuyền vàng đã thử và nói với chị A cho xem sợi dây chuyền vàng 18K (75%), trọng lượng 13 chỉ. H đeo lên cổ thử và đi ra chiếc gương sau lưng để xem thử sợi dây chuyền vàng có hợp không rồi H đi ra ngoài thì chị A hỏi H “Đi đâu vậy không được đem dây chuyền ra ngoài”. H nói: “Đi ra ngoài lấy đồ”, rồi H bỏ đi ra ngoài và lên xe mô tô chạy về hướng thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H đem sợi dây chuyền đến cửa hàng mua bán vàng “Kim V” bán được 34.000.000 đồng. Đến ngày 26-11-2019, Trần Văn H bị bắt giữ.

Vật chứng vụ án:

- 01 (*Một*) xe mô tô mang biển số 60H5-032.51, của chị Lê Thị NG (là vợ của H), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc đã trả lại cho chị NG.

Bản cáo trạng số **67/CT-VKSXL** ngày 13-4-2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai truy tố Trần Văn H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Văn H khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mô tả. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ

nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại có đơn bãi nại;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ **16** đến **18** tháng tù.

Ý kiến của bị hại bà Nguyễn Thị Bạch V: Đã nhận số tiền khắc phục hậu quả, không có yêu cầu bổ sung.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị NG: Chị không biết Trần Văn H sử dụng xe mô tô mang biển số 60H5-032.51 của chị để thực hiện hành vi phạm tội. Chị đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn Quốc M: Anh không nhớ có mua sợi dây chuyền vàng mà H khai mang đến tiệm vàng Kim V bán; Sợi vàng anh mua của khách hàng đã nấu chảy để làm sản phẩm mới, nên không xác định được.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn H khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 20-11-2019, Trần Văn H đến cửa hàng mua bán vàng “Kim C”, giả vờ mua 01 sợi dây chuyền vàng 18k (75%), trọng lượng 13 chỉ, H đeo lên cổ thử, đi

soi gương, sau đó H bỏ đi khỏi cửa hàng, chạy về Long Khánh, rồi đem đến tiệm vàng “Kim V” bán. Trị giá sợi dây chuyền bị cáo H chiếm đoạt là 41.600.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị Bạch V nên cần đưa ra xét xử và áp dụng mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá 41.600.000 đồng (dưới 50.000.000 đồng), do đó bị xét xử tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Là lao động chính trong gia đình, bị hại có đơn bãi nại. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cũng xem xét cho bị cáo trong khi quyết định hình phạt.

Cần bắt tạm giam bị cáo H ngay sau khi tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành.

* Đối với anh Hồ Văn Quốc M, là người quản lý cửa hàng mua bán vàng “Kim V”, anh M mua sợi dây chuyền vàng 18k (75%), trọng lượng 13 chỉ, do Trần Văn H đem tới bán, anh M không biết là tài sản do H phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[5] Về dân sự:

Bà Nguyễn Thị Bạch V không yêu cầu bồi thường bổ sung, nên không xét.

[6] Về vật chứng:

Chiếc xe mô tô mang biển số 60H5-032.51 của chị Lê Thị NG, bị cáo sử dụng trong khi thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chị không biết. Do đó, trả lại cho chị là hợp lý.

[7] Về án phí:

Bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Trần Văn H – 01 năm (*Một năm*) tù, thời hạn tù tính từ ngày **14-5-2020, được khấu trừ thời gian tạm giam trước đây từ ngày **26-11-2019** đến ngày **27-02-2020**.**

Bắt tạm giam bị cáo Trần Văn H ngay sau khi tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Buộc bị cáo Trần Văn H nộp **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND: Phường 6, thành phố C + xã S, huyện Xuân Lộc;
- Bị cáo; Các Đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng